TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày: 05-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Tư
Ông Phạm Văn Ven

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Đình H, tên gọi khác: Nguyễn Phi H1; Sinh ngày 15-9-1975, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: không xác định được; Mẹ: Lê Thị Đ, sinh năm 1947 (chết); Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1980. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền sự: không; Tiền án: không; Nhân thân: Tại Bản án số 09/HS.ST ngày 09-7-2003 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xử phạt Nguyễn Phi H1 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 05-10-2003. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02-9-2024 đến ngày 11-9-2024 bị tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Mai Văn L - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2001, Lê Đình H (tên gọi khác Nguyễn Phi H1) sinh sống tại nhà ông Phạm Văn Đ1 làm nghề sửa điện dân dụng tại Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 13-7-2001, H1 đến nhà ông Mai Văn L thuộc Ấp F, xã M, huyện Đ để sửa điện. Trong lúc sửa điện khoảng 14 giờ cùng ngày do thiếu 01 taplo điện nên H1 nói với L để H1 về nhà lấy. Lúc này, H1 mượn xe mô tô biển số 62F6-4062 nhãn hiệu Fashion, màu xanh của L để H1 đi lấy taplo điện. L đồng ý, giao chìa khóa và xe cho H1. H1 nhận xe và điều khiển xe chạy về nhà lấy taplo điện nhưng đã hết nên H1 điều khiển xe đi mua. Trên đường đi, H1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của L để bán lấy tiền về quê tại tỉnh Thanh Hóa. H1 điều khiển xe quay về nhà ông Đ1 lấy đồ dùng cá nhân rồi chạy đến chợ D ở phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người bạn tên C (không rõ nhân thân lai lịch) để mượn tiền và được C cho 500.000 đồng. H1 thấy số tiền đã đủ chi phí về quê nên H1 không bán xe mô tô biển số 62F6-4062 như dự tính. H1 mua vé xe khách và gửi xe mô tô của ông L lên xe khách về tỉnh Thanh Hóa sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau đó xe bị hư hỏng nên H1 đã bán phế liệu cho một người mua dạo, không rõ nhân thân lai lịch. Quá trình điều tra H1 bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 05-8-2002, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ truy nã. Ngày 01-9-2024, H1 đến Công an thị xã N, tỉnh Thanh Hóa đầu thú.

Tại Bản kết luận về định giá tài sản số 20/KL-TCKH ngày 06-9-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Fashion, số loại 110FD, màu sơn: xanh, số khung: FD110-06000923, số máy: LC152FMH-01016023, biển kiểm soát 62F6-4062 có giá trị thành tiền 7.065.000 đồng.

Cáo trạng số 03/CT-VKSĐH ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Lê Đình Hùng về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lê Đình H khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo H đồng ý bồi thường 12.500.000 đồng theo yêu cầu của ông L. Bị cáo H không tranh luận với Kiểm sát viên nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận thức hành vi là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Mai Văn L: yêu cầu bị cáo H bồi thường 12.500.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Đình H theo Cáo trạng số 03/CT-VKSĐH ngày 24-12-2024 về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Sau khi phân tích tính chất của hành vi và hậu quả xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đình H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Lê Đình H từ 09 tháng đến 01 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận việc bị cáo H đồng ý bồi thường cho ông L 12.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về pháp luật áp dụng: Bị cáo H thực hiện hành vi ngày 13-7-2001 khi Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. So với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại Bộ luật hình sự 1999 thì tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 hiện đang có hiệu lực thi hành quy định mức khởi điểm của khung hình phạt cao hơn, không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy căn cứ khoản 2, 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 33/2009/NQ-QH12 ngày 19-6-2009 của Quốc hội; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/NQ-QH12 ngày 20-6-2017 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo Lê Đình H được áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để điều tra, truy tố, xét xử.

[3.]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đình H khai nhận hành vi: khoảng 14 giờ ngày 13-7-2001, sau khi mượn xe mô tô biển kiểm soát 62F6-4062 của ông Mai Văn L, tại Ấp F, xã M, huyện Đ, Lê Đình H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông L để bán lấy tiền về quê. Nhưng sau khi được người khác cho tiền, H giữ lại xe và đem xe về tỉnh Thanh Hóa sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau khi xe bị hư hỏng thì bán phế liệu. Xe mô tô biển kiểm soát 62F6-4062 mà bị cáo chiếm đoạt trị

giá 7.065.000 đồng. Đến ngày 01-9-2024, H đến Công an thị xã N, tỉnh Thanh Hóa đầu thú. Lời khai của bị cáo H phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Đình H phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng 03/CT-VKSĐH ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố bị cáo Lê Đình H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là một công dân có đầy đủ lý trí để nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nếu người nào cố tình chiếm đoạt sẽ bị pháp luật xử lý nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích của bị cáo là để sử dụng cho cá nhân. Hành vi của bị cáo còn gây tác động xấu đến tình hình trật tự tại địa phương nên cần được xử lý nghiêm.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Lê Đình H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3]. Về hình phạt bổ sung: theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo H không có tài sản nào khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với bị cáo.

[5]. Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xác định tội danh, áp dụng điều luật, quyết định hình phạt là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Từ các nhận định tại mục [3], [4], [5], căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H đồng ý bồi thường cho ông L 12.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lê Đình H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Đình H (tên gọi khác Nguyễn Phi H1) phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đình H 09 (chín) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo H bị tạm giữ (ngày 02 tháng 9 năm 2024).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Đình H 45 ngày kể từ ngày tuyên án (05-02-2025) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận việc bị cáo Lê Đình H đồng ý bồi thường cho ông Mai Văn L 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Đình H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Huệ;
- Hồ sơ THAHS;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Liên